

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2024/HNGĐ- ST

Ngày 27/5/2024

(V/v: Ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Viết Xây** và ông **Vũ Hồ Phương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 08/ 05/2024; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1987(Có mặt)

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1986(Vắng mặt)

Đều ĐKKHKT và trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3.Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau Chị Nguyễn Thị M trình bày ; C và anh M kết hôn với nhau tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết

hôn ngày 10/04/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên có nhiều điểm bất đồng về cuộc sống hàng ngày, anh K chời bời cờ bạc không quan tâm đến gia đình dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung, một mình chị phải đi làm nuôi các con, anh K không có sự quan tâm hỗ trợ với chị về kinh tế, mâu thuẫn xảy ra nhiều và trầm trọng, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Anh K không thay đổi vẫn chứng nào tật đó nên chị đã phải sống ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Chị Minh xác đ tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn yêu thương anh K, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn.

*Về con chung: Chị Minh xác đ có hai con chung là: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/ 01/ 2013, Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 29/11/2017, nay ly hôn chị xin nuôi hai con vì hai con vẫn ở cùng chị đến nay, anh K không hề quan tâm đến con chung, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

*Về tài sản chung : Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn Anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị M kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 10/4/2009. Quá trình sống chung anh không đánh và không chửi chị M, mà chị tự ý bế con về nhà để ở, đến nay anh vẫn còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn,

* Về Con chung: Anh K xác định có hai con chung là: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/ 01/ 2013, Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 29/11/2017, hiện hai con ở cùng chị M, nếu chị M nuôi được hai con thì anh nhất trí không thì anh xin nuôi hai con.

*Về tài sản chung : Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người làm chứng: ông Nguyễn Văn T bố đẻ chị M trình bày: Chị M và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H và có cưới hỏi theo phong tục địa phương. Qua trình sống chung nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh K hay chơi bời cờ bạc không quan tâm đến vợ con, không đưa kinh tế về cho vợ nuôi con. Anh K trước đi làm ở Quảng Ninh chơi bời cờ bạc rồi bỏ cả việc về quê, sau đó xin lên Hải dương làm cũng vẫn chơi bời nên phải về nhà đi kéo lưới nhưng vẫn chứng nào tật đó. Anh K không chửi bới, đánh đập vợ con nhưng không có trách nhiệm với gia đình để chị M một mình nuôi con, lo toan mọi việc, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị M hiện đã sống ly thân tại nhà của anh họ từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị M xin ly hôn quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải phóng cho hai bên.

*Qua xác minh tại khu dân cư và UBND xã H cho biết: Chị M gửi đơn ly hôn trực tiếp xuống Tòa án không thông qua thôn và UBND xã nên không tổ chức hòa giải, mâu thuẫn giữa hai bên. Theo ông K1 là trưởng thôn Đ cung cấp; Anh K chời bời không quan tâm đến vợ con, đi làm nhưng không phụ giúp chị M nuôi con, ông đã trực tiếp gặp anh K nhắc nhở về việc anh K hay tụ tập chơi bời, ngoài ra theo ông được biết mẹ chồng và nàng dâu cũng có xích mích trong cuộc sống, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị anh Nguyễn Văn K và xin nuôi con chung, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Anh K vắng mặt không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 77,78 BLTTDS.

Áp dụng Điều 147,227, 228 BLTTDS, các Điều 51,56 điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn K. **Về con chung:** Giao con Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/ 01/ 2013, Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 29/11/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung không ai được cản trở. **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật và được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, nhận thấy:

[1]**Về tố tụng:** Anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, anh K đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt đối với anh K, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và Anh Nguyễn Văn K hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/04/2009, tại thời điểm kết hôn chị M và anh K hoàn toàn tự nguyện, không bị gò ép, điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị M, hội đồng xét xử thấy:* Sau khi kết hôn vợ chồng chị M, anh K chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh K hay chơi bời cờ bạc không quan tâm đến gia đình làm cho hai bên không có tiếng nói chung, một mình chị phải nuôi dạy các con mà không có sự hỗ trợ quan tâm từ anh M. Theo bố chị M khai quá trình sống chung nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh K hay chơi bời cờ bạc không quan tâm đến vợ con, không đưa kinh tế về cho vợ nuôi con. Anh K không chửi bới, đánh đập vợ con nhưng không có trách nhiệm với gia đình, chị M một mình nuôi con, lo toan mọi việc, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy có thể xác định mâu thuẫn giữa anh K và chị M xảy ra đã lâu và trầm trọng, anh K không nhất trí ly hôn nhưng Tòa án triệu tập anh nhiều lần đến hòa giải nhưng anh không đến, điều đó thể hiện anh bỏ mặc không mong muốn đoàn tụ, hiện chị M đã sống riêng và ly thân từ tháng 06/2023 đến nay, chị xác định tình cảm không còn và không thể tiếp tục sống chung cùng anh K. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh K xảy ra trong thời gian dài, trầm trọng, hai bên không có sự tôn trọng yêu thương nhau, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M xin ly hôn anh K là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về Con chung:** Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn K đều xác định có hai con chung là: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/ 01/ 2013, Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 29/11/2017, hiện hai con đang ở cùng chị M. Nay ly hôn chị M xin nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng thỏa thuận về trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quan điểm của anh K nếu chị M xin nuôi hai con anh nhất trí, lời khai của cháu H mong muốn để hai chị em ở cùng với chị M vì

các cháu vẫn ở cùng mẹ cuộc sống đảm bảo. Chị M xin nuôi hai con, chị chứng minh điều kiện kinh tế thu nhập trên 10 triệu/tháng và còn có sự hỗ trợ giúp đỡ của bố, mẹ, anh, chị em chị, hiện tại chị đang ở nhà riêng đảm bảo cuộc sống cho hai con. Chị M cho rằng anh K không thể nuôi con vì anh chời bời, cò bạc không quan tâm đến con chung. Xét yêu cầu của chị M là phù hợp và chính đáng cần giao hai con là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/ 01/ 2013, Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 29/11/2017, cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, quyền lợi của con chung. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[5] **Về tài sản chung** : Chị M, anh K không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[6] **Về án phí** : Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51,56, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh

Xử: Chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 23/ 01/ 2013, Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 29/11/2017, cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị M phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0000487 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị minh đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Hồng Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Minh Hải